

Phụ lục 01

Kèm theo quyết định số 541/QĐ-BCNYT ký ngày 01/01/2026

STT	Nội dung	Đã được phê duyệt		Sửa đổi	
		STT	Nội dung yêu cầu	STT	Nội dung yêu cầu
1	Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật\Phần 1 - Cung cấp, lắp đặt dụng cụ phẫu thuật chuyên sâu thần kinh, tim mạch và vi phẫu\BỘ DỤNG CỤ PHẪU THUẬT KẾT HỢP XƯƠNG ỨC (PHẪU THUẬT TIM HỎ)	II	DANH MỤC CHI TIẾT VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CƠ BẢN	II	DANH MỤC CHI TIẾT VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CƠ BẢN
		73	Banh (banh tổ chức), cong, kích thước lưỡi 15x15mm, dài 220mm	73	Banh (banh tổ chức), cong, kích thước lưỡi 15x15mm (± 2 mm), dài 220mm
2	Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật\Phần 1 - Cung cấp, lắp đặt dụng cụ phẫu thuật chuyên sâu thần kinh, tim mạch và vi phẫu\BỘ DỤNG CỤ PHẪU THUẬT TIM MẠCH VÀ LÒNG NGỰC	II	DANH MỤC CHI TIẾT VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CƠ BẢN	II	DANH MỤC CHI TIẾT VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CƠ BẢN
		74	Banh vén kiểu Middeldorpf hoặc tương đương, đầu cong, má hờ, kích thước lưỡi $\geq 14 \times 14$ mm, dài 220mm	74	Banh vén kiểu Middeldorpf hoặc tương đương, đầu cong, má hờ, kích thước lưỡi 15x15mm (± 2 mm), dài 220mm
3	Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật\Phần 1 - Cung cấp, lắp đặt dụng cụ phẫu thuật chuyên sâu	STT	Nội dung yêu cầu	STT	Nội dung yêu cầu
		II	DANH MỤC CHI TIẾT VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CƠ BẢN	II	DANH MỤC CHI TIẾT VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CƠ BẢN

	thần kinh, tim mạch và vi phẫu Bộ dụng cụ phẫu thuật tim hở và mạch máu cho phòng mổ Hybrid	67	Banh vén mi hoặc banh tổ chức, kích thước lưỡi 15x15mm, dài 220mm	67	Banh vén mi hoặc banh tổ chức, kích thước lưỡi 15x15mm ($\pm \leq 2\text{mm}$), dài 220mm
4	Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật/Phần 1 - Cung cấp, lắp đặt dụng cụ phẫu thuật chuyên sâu thần kinh, tim mạch và vi phẫu Bộ dụng cụ phẫu thuật sọ não cho Phòng mổ thần kinh - sọ não	STT	Nội dung yêu cầu	STT	Nội dung yêu cầu
		II	DANH MỤC CHI TIẾT VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CƠ BẢN	II	DANH MỤC CHI TIẾT VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CƠ BẢN
		41	Dụng cụ găm cột sống kiểu Kerrison hoặc tương đương, mạ đen, kiểu chuẩn, cong lên 120°, có bộ phận đẩy mô, có lấy mở hàm, ngàm rộng 2mm ($\pm \leq 0.5\text{mm}$), dài 180mm.	41	Dụng cụ găm cột sống kiểu Kerrison hoặc tương đương, mạ đen, kiểu chuẩn, ngàm hướng lên, góc mũi ngoài 120° ($\pm \leq 10^\circ$) (hoặc góc cắn (cắt) 40° ($\pm \leq 10^\circ$)), có bộ phận đẩy mô, có lấy mở hàm, ngàm rộng 2mm ($\pm \leq 0.5\text{mm}$), dài 180mm.
		42	Dụng cụ găm cột sống kiểu Kerrison hoặc tương đương, mạ đen, kiểu chuẩn, cong lên 120°, có bộ phận đẩy mô, có lấy mở hàm vệ sinh tích hợp, ngàm rộng 3mm, dài 180mm.	42	Dụng cụ găm cột sống kiểu Kerrison hoặc tương đương, mạ đen, kiểu chuẩn, ngàm hướng lên, góc mũi ngoài 120° ($\pm \leq 10^\circ$) (hoặc góc cắn (cắt) 40° ($\pm \leq 10^\circ$)), có bộ phận đẩy mô, có lấy mở hàm vệ sinh tích hợp, ngàm rộng 3mm, dài 180mm.
5	Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật/Phần 2 - Cung cấp, lắp đặt dụng cụ chuyên khoa chấn thương chỉnh hình Bộ	STT	Nội dung yêu cầu	STT	Nội dung yêu cầu
		II	DANH MỤC CHI TIẾT VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CƠ BẢN	II	DANH MỤC CHI TIẾT VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CƠ BẢN
		30	Dụng cụ găm cột sống kiểu Kerrison Noir hoặc Kerrison hoặc tương đương, mạ đen,	30	Dụng cụ găm cột sống kiểu Kerrison Noir hoặc Kerrison hoặc tương đương, mạ đen, kiểu chuẩn, ngàm hướng lên, góc mũi

	dụng cụ phẫu thuật cột sống cổ trước		kiểu chuẩn, cong lên 120° ($\pm \leq 10^\circ$), dài 180mm, ngàm rộng 1mm ($\pm \leq 0.5\text{mm}$)		ngoài 120° ($\pm \leq 10^\circ$) (hoặc góc cắn (cắt) 40° ($\pm \leq 10^\circ$)), dài 180mm, ngàm rộng 1mm ($\pm \leq 0.5\text{mm}$)
		31	Dụng cụ găm cột sống kiểu Kerrison Noir hoặc Kerrison hoặc tương đương, mạ đen, kiểu chuẩn, cong lên 120° ($\pm \leq 10^\circ$), dài 180mm, ngàm rộng 2mm ($\pm \leq 0.5\text{mm}$) (ngàm khác cỡ loại số thứ tự 30)	31	Dụng cụ găm cột sống kiểu Kerrison Noir hoặc Kerrison hoặc tương đương, mạ đen, kiểu chuẩn, ngàm hướng lên, góc mũi ngoài 120° ($\pm \leq 10^\circ$) (hoặc góc cắn (cắt) 40° ($\pm \leq 10^\circ$)), dài 180mm, ngàm rộng 2mm ($\pm \leq 0.5\text{mm}$) (ngàm khác cỡ loại số thứ tự 30)
		32	Dụng cụ găm cột sống kiểu Kerrison Noir hoặc Kerrison hoặc tương đương, mạ đen, kiểu chuẩn, cong lên 120° ($\pm \leq 10^\circ$), dài 180mm, ngàm rộng 3mm ($\pm \leq 0.5\text{mm}$) (ngàm khác cỡ loại số thứ tự 31)	32	Dụng cụ găm cột sống kiểu Kerrison Noir hoặc Kerrison hoặc tương đương, mạ đen, kiểu chuẩn, ngàm hướng lên, góc mũi ngoài 120° ($\pm \leq 10^\circ$) (hoặc góc cắn (cắt) 40° ($\pm \leq 10^\circ$)), dài 180mm, ngàm rộng 3mm ($\pm \leq 0.5\text{mm}$) (ngàm khác cỡ loại số thứ tự 31)
6	Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật/Phần 2 - Cung cấp, lắp đặt dụng cụ chuyên khoa chân thương chỉnh hình\BỘ dụng cụ phẫu thuật tủy cổ sau	STT	Nội dung yêu cầu	STT	Nội dung yêu cầu
		II	DANH MỤC CHI TIẾT VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CƠ BẢN	II	DANH MỤC CHI TIẾT VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CƠ BẢN
		23	Dụng cụ găm cột sống kiểu Kerrison hoặc tương đương, kiểu chuẩn, cong lên 120°, dài 200mm, ngàm rộng 1mm.	23	Dụng cụ găm cột sống kiểu Kerrison hoặc tương đương, kiểu chuẩn, ngàm hướng lên, góc mũi ngoài 120° ($\pm \leq 10^\circ$) (hoặc góc cắn (cắt) 40° ($\pm \leq 10^\circ$)), dài 200mm, ngàm rộng 1mm.
		24	Dụng cụ găm cột sống kiểu Kerrison hoặc tương đương, kiểu chuẩn, cong lên 120°, dài 200mm, ngàm rộng 2mm.	24	Dụng cụ găm cột sống kiểu Kerrison hoặc tương đương, kiểu chuẩn, ngàm hướng lên, góc mũi ngoài 120° ($\pm \leq 10^\circ$) (hoặc

					góc cắn (cắt) $40^\circ (\pm \leq 10^\circ)$, dài 200mm, ngàm rộng 2mm.
		25	Dụng cụ găm cột sống kiểu Kerrison hoặc tương đương, kiểu chuẩn, cong lên 120° , dài 200mm, ngàm rộng 3mm.	25	Dụng cụ găm cột sống kiểu Kerrison hoặc tương đương, kiểu chuẩn, ngàm hướng lên, góc mũi ngoài $120^\circ (\pm \leq 10^\circ)$ (hoặc góc cắn (cắt) $40^\circ (\pm \leq 10^\circ)$), dài 200mm, ngàm rộng 3mm.
		26	Dụng cụ găm cột sống kiểu Kerrison hoặc tương đương, kiểu chuẩn, cắt xuống 120° , dài 200mm, ngàm rộng 2mm.	26	Dụng cụ găm cột sống kiểu Kerrison hoặc tương đương, kiểu chuẩn, ngàm hướng (cắt) xuống, góc mũi ngoài $120^\circ (\pm \leq 10^\circ)$ (hoặc góc cắn (cắt) $40^\circ (\pm \leq 10^\circ)$), dài 200mm, ngàm rộng 2mm.
7	Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật\Phần 2 - Cung cấp, lắp đặt dụng cụ chuyên khoa chấn thương chỉnh hình\BỘ DỤNG CỤ PHẪU THUẬT TỤY, LƯNG	STT	Nội dung yêu cầu	STT	Nội dung yêu cầu
		II	DANH MỤC CHI TIẾT VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CƠ BẢN	II	DANH MỤC CHI TIẾT VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CƠ BẢN
		24	Dụng cụ găm cột sống kiểu Kerrison hoặc tương đương, cong lên $\geq 120^\circ$, ngàm rộng 2mm, dài 200mm.	24	Dụng cụ găm cột sống kiểu Kerrison hoặc tương đương, ngàm hướng lên, góc mũi ngoài $120^\circ (\pm \leq 10^\circ)$ (hoặc góc cắn (cắt) $40^\circ (\pm \leq 10^\circ)$), ngàm rộng 2mm, dài 200mm.
		25	Dụng cụ găm cột sống kiểu Kerrison hoặc tương đương, cong lên 120° , ngàm rộng 3mm, dài 200mm.	25	Dụng cụ găm cột sống kiểu Kerrison hoặc tương đương, ngàm hướng lên, góc mũi ngoài $120^\circ (\pm \leq 10^\circ)$ (hoặc góc cắn (cắt) $40^\circ (\pm \leq 10^\circ)$), ngàm rộng 3mm, dài 200mm.

		26	Dụng cụ găm cột sóng kiểu Kerrison hoặc tương đương, cong lên 120°, ngàm rộng 4mm, dài 200mm.	26	Dụng cụ găm cột sóng kiểu Kerrison hoặc tương đương, ngàm hướng lên, góc mũi ngoài 120° ($\pm \leq 10^\circ$) (hoặc góc cần (cắt) 40° ($\pm \leq 10^\circ$)), ngàm rộng 4mm, dài 200mm.
		27	Dụng cụ găm cột sóng kiểu Kerrison hoặc tương đương, cong lên 120°, ngàm rộng 5mm, dài 200mm.	27	Dụng cụ găm cột sóng kiểu Kerrison hoặc tương đương, ngàm hướng lên, góc mũi ngoài 120° ($\pm \leq 10^\circ$) (hoặc góc cần (cắt) 40° ($\pm \leq 10^\circ$)), ngàm rộng 5mm, dài 200mm.
		28	Dụng cụ găm cột sóng kiểu Kerrison hoặc tương đương, cong lên 120°, dài 230mm, ngàm rộng 3mm.	28	Dụng cụ găm cột sóng kiểu Kerrison hoặc tương đương, ngàm hướng lên, góc mũi ngoài 120° ($\pm \leq 10^\circ$) (hoặc góc cần (cắt) 40° ($\pm \leq 10^\circ$)), dài 230mm, ngàm rộng 3mm.
		29	Dụng cụ găm cột sóng kiểu Kerrison hoặc tương đương, cắt xuống 120°, dài 200mm, ngàm rộng 2mm.	29	Dụng cụ găm cột sóng kiểu Kerrison hoặc tương đương, ngàm hướng (cắt) xuống, góc mũi ngoài 120° ($\pm \leq 10^\circ$) (hoặc góc cần (cắt) 40° ($\pm \leq 10^\circ$)), dài 200mm, ngàm rộng 2mm.
		30	Dụng cụ găm cột sóng kiểu Kerrison hoặc tương đương, cắt xuống 120°, dài 200mm, ngàm rộng 3mm.	30	Dụng cụ găm cột sóng kiểu Kerrison hoặc tương đương, ngàm hướng (cắt) xuống, góc mũi ngoài 120° ($\pm \leq 10^\circ$) (hoặc góc cần (cắt) 40° ($\pm \leq 10^\circ$)), dài 200mm, ngàm rộng 3mm.

		31	Dụng cụ găm cột sống kiểu Kerrison hoặc tương đương, cắt xuống 120°, dài 200mm, ngàm rộng 4mm.	31	Dụng cụ găm cột sống kiểu Kerrison hoặc tương đương, ngàm hướng (cắt) xuống, góc mũi ngoài 120° ($\pm \leq 10^\circ$) (hoặc góc cần (cắt) 40° ($\pm \leq 10^\circ$)), dài 200mm, ngàm rộng 4mm.
8	Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật\Phần 2 - Cung cấp, lắp đặt dụng cụ chuyên khoa chấn thương chỉnh hình\Bộ dụng cụ phẫu thuật bàn tay	STT	Nội dung yêu cầu	STT	Nội dung yêu cầu
		II	DANH MỤC CHI TIẾT VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CƠ BẢN	II	DANH MỤC CHI TIẾT VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CƠ BẢN
		31	Róc màng xương (hoặc nậy xương) kiểu Adson hoặc tương đương đầu cong, sắc, rộng 5mm, dài 165mm	31	Róc màng xương (hoặc nậy xương) kiểu Adson hoặc tương đương đầu cong, sắc, rộng 5mm ($\pm \leq 2\text{mm}$), dài 165mm
9	Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật\Phần 2 - Cung cấp, lắp đặt dụng cụ chuyên khoa chấn thương chỉnh hình\Bộ dụng cụ vi phẫu hàm mặt	STT	Nội dung yêu cầu	STT	Nội dung yêu cầu
		II	DANH MỤC CHI TIẾT VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CƠ BẢN	II	DANH MỤC CHI TIẾT VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CƠ BẢN
		53	Banh vết thương kiểu Ragnell hoặc tương đương, hai đầu, kích thước 5 x 3mm, 14 x 6.5mm, dài 160mm,	53	Banh vết thương kiểu Ragnell hoặc tương đương dài 150mm ($\pm \leq 10\text{mm}$), hai đầu, kích thước 5 x 3mm ($\pm \leq 1\text{mm}$), 15x5.0mm ($\pm \leq 2\text{mm}$).
10	Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật\Phần 3 - Cung cấp, lắp đặt dụng cụ phẫu thuật chuyên	STT	Nội dung yêu cầu	STT	Nội dung yêu cầu
		II	DANH MỤC CHI TIẾT VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CƠ BẢN	II	DANH MỤC CHI TIẾT VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CƠ BẢN

	khoa tiêu hoá, ổ bụng và tổng quát\BỘ DỤNG CỤ PHẪU THUẬT MỞ BỤNG TỔNG QUÁT	33	Kẹp ruột babcock không nhấn thương, dài 240mm.	33	Kẹp ruột Babcock, không chấn thương, dài từ 200-250mm.
11	Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật\Phần 3 - Cung cấp, lắp đặt dụng cụ phẫu thuật chuyên khoa tiêu hoá, ổ bụng và tổng quát\BỘ DỤNG CỤ THƯỜNG MỞ MỎ	STT	Nội dung yêu cầu	STT	Nội dung yêu cầu
		II	DANH MỤC CHI TIẾT VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CƠ BẢN	II	DANH MỤC CHI TIẾT VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CƠ BẢN
		2	Banh vết thương kiểu Farabeuf hoặc tương đương, loại lớn, hai đầu, dài 150mm, bộ 2 cái, kích thước 20 x 15mm, 23 x 15mm, 24 x 15mm, 28 x 15mm	2	Banh vết thương kiểu Farabeuf hoặc tương đương, loại lớn, hai đầu, dài 150mm, bộ 2 cái
3	Banh vết thương kiểu Farabeuf hoặc tương đương, loại lớn, hai đầu, dài 120mm, bộ 2 chiếc, kích thước 28 x 12 mm, 32 x 12 mm, 25 x 10 mm, 22 x 10 mm	3	Banh vết thương kiểu Farabeuf hoặc tương đương, loại lớn, hai đầu, dài 120mm, bộ 2 cái		
12	Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật\Phần 3 - Cung cấp, lắp đặt dụng cụ phẫu thuật chuyên khoa tiêu hoá, ổ bụng và tổng quát\BỘ DỤNG CỤ PHẪU THUẬT MỞ TIẾT NIỆU	STT	Nội dung yêu cầu	STT	Nội dung yêu cầu
		II	DANH MỤC CHI TIẾT VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CƠ BẢN	II	DANH MỤC CHI TIẾT VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CƠ BẢN
		27	Kẹp phẫu tích và gấp chỉ kiểu O'shaugnessy hoặc tương đương, cong, ngầm dài khoảng 40mm, dài 230mm.	27	Kẹp phẫu tích và gấp chỉ kiểu O'shaugnessy hoặc tương đương, cong, dài 230mm.
13	Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật\Phần 3 - Cung	STT	Nội dung yêu cầu	STT	Nội dung yêu cầu

	cấp, lắp đặt dụng cụ phẫu thuật chuyên khoa tiêu hoá, ổ bụng và tổng quát\BỘ DỤNG CỤ PHẪU THUẬT TIÊU HÓA	II	DANH MỤC CHI TIẾT VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CƠ BẢN	II	DANH MỤC CHI TIẾT VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CƠ BẢN
		32	Kẹp ruột kiểu Babcock hoặc tương đương, không chấn thương, dài 240mm.	32	Kẹp ruột kiểu Babcock hoặc tương đương, không chấn thương, dài từ 200-250mm.
14	Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật\Phần 3 - Cung cấp, lắp đặt dụng cụ phẫu thuật chuyên khoa tiêu hoá, ổ bụng và tổng quát\BỘ DỤNG CỤ PHẪU THUẬT TIÊU HÓA CHUYÊN SÂU	STT	Nội dung yêu cầu	STT	Nội dung yêu cầu
		II	DANH MỤC CHI TIẾT VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CƠ BẢN	II	DANH MỤC CHI TIẾT VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CƠ BẢN
		37	Kẹp ruột Babcock, không chấn thương, dài 250mm	37	Kẹp ruột Babcock, không chấn thương, dài từ 200-250mm